

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2025/HS-ST
Ngày: 31-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bội Nhu

Bà Lê Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 320/2024/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

LÊ VĂN H, sinh năm 1995 tại tỉnh Bình Thuận.

HKTT: khu phố 7, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: tổ 4, ấp H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: lao động biển; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ, mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1970; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ vào ngày 18/9/2024, chuyển tạm giam ngày 21/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1996, trú tại khu phố 7, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

LÊ VĂN H và chị Nguyễn Thị G là hàng xóm và có mối quan hệ thân thiết với nhau. Vào khoảng 22 giờ ngày 02/4/2019, H đến nhà chị G mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ đen, biển số 86C1-689.20 của chị G mục đích để đi đến nhà bạn ở H chơi và hẹn khoảng 23 giờ cùng ngày sẽ mang xe về trả thì chị G đồng ý. Sau khi mượn được chiếc xe trên, H điều khiển xe đến tiệm bán cá Ti T ở khu vực S thuộc xã T để chơi. Sau khi chơi bán cá xong, H điều khiển xe đến nhà bạn của H ở huyện H để chơi và ngủ lại tại đây. Ngủ dậy, H điều khiển chiếc xe trên đến nhà bạn ở huyện H chơi khoảng 7 ngày. Đến khoảng 19 giờ ngày 09/4/2019, do không có tiền tiêu xài nên H đã nảy sinh ý định cầm thế chiếc xe trên để lấy tiền tiêu xài. H điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ đen, biển số 86C1-689.20 đến tiệm bán cá Ti T gặp anh Nguyễn Đức T (sinh năm 1988, trú tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận), là quản lý của tiệm bán cá Ti T nói: *“Muốn cầm thế chiếc xe mô tô biển số 86C1-689.20”*. Lúc này, anh T hỏi H: *“Xe của ai”*, H nói: *“Đây là xe của H”*, thấy vậy anh T tin tưởng là xe của H nên đồng ý cầm thế cho H với giá 6.000.000 đồng. H nhận tiền và hẹn anh Toàn 3 ngày sau tới chuộc lại xe thì anh T đồng ý. Sau đó, H ngồi chơi bán cá tại tiệm Ti T một lúc rồi bắt xe khách đi vào tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ở với mẹ là bà Lê Thị T (sinh năm 1970, trú tại khu phố 7, phường L, thành phố P) và tiêu xài hết số tiền còn lại.

Sau khi cho H mượn xe đến 23 giờ ngày 02/4/2019 không thấy H mang xe về trả, chị G có gọi điện thoại nhiều lần cho H nhưng H không nghe máy, chị G đến nhà H tìm nhưng không thấy. Đến 21 giờ 00 phút ngày 09/4/2019, chị G điện thoại cho bà T (mẹ H) nói: *“H có mượn xe của con đến nay không thấy trả”* thì bà T nói: *“H nó cầm thế xe của con 7.000.000 đồng rồi, cho dì mượn 7.000.000 đồng để chuộc ra”*. Sau đó, G nói bà T: *“Mỗi người chịu một nửa”*, bà T nói lại: *“Cứ từ từ rồi tính”*. Đến ngày 23/4/2019, không thấy H chuộc xe trả nên chị G đã đến Công an phường L trình báo sự việc.

Đến ngày 29/4/2019, chị G tiếp tục gọi điện cho bà T nhắc H nói địa chỉ người cầm thế xe để chị G đến chuộc lại. Sau khi hỏi H thì bà T điện thoại lại cho chị G nói: *“Đi đến vòng xoay S thuộc xã T, điện thoại gặp người để chuộc xe”*. Sau đó, chị G đến Công an phường L trình báo sự việc và cùng với Công an đi đến điểm hẹn. Tại đây, chị G gặp anh T. Sau khi biết chiếc xe mô tô biển số 86C1-689.20 mà H cầm thế là chiếc xe H mượn của chị G thì anh T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an để phục vụ cho quá trình điều tra.

Sau khi phạm tội H bỏ trốn, không có mặt tại địa phương, đến ngày 18/9/2024 Cơ quan điều tra bắt truy nã được H. Tại Cơ quan CSĐT - Công an thành phố P H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 97/KL-HĐĐG ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Thành phố P kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 86C1-689.20, số máy: JF66E0726254, số khung: 5816GY726213, trị giá: 29.400.000 đồng.

Xử lý vật chứng và dân sự:

Hiện Cơ quan CSĐT - Công an thành phố P đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 86C1-689.20 cho chị G. Chị G đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu H trả lại số tiền 6.000.000 đồng (là tiền anh T cầm thế xe cho H).

Tại bản Cáo trạng số 316/CT-VKSPT ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo LÊ VĂN H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt LÊ VĂN H từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: không.

Bị cáo LÊ VĂN H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng; bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa. Bị cáo nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, theo hồ sơ đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong vụ án này có người bị hại vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Bị cáo và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt người bị hại. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác bị hại đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của bị hại trước tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo LÊ VĂN H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản ghi lời khai của bị hại và các vật chứng đã thu giữ, phù hợp với các tài liệu điều tra về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 09/4/2019, tại khu phố 7, phường L, thành phố P, lợi dụng lòng tin và sự quen biết với chị Nguyễn Thị G sau khi mượn được xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ đen, biển số 86C1-689.20, trị giá 29.400.000 đồng của chị G, LÊ VĂN H đã đem cầm thế lấy số tiền 6.000.000 đồng tiêu xài thì bị phát hiện.

Như vậy, hành vi của bị cáo H sau khi mượn xe của chị G để sử dụng, bị cáo đã đem đi cầm cố để lấy tiền và không trả tài sản cho bị hại là thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn gian dối” để chiếm đoạt tài sản nên hành vi của H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ Luật Hình sự, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo H về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu làm ăn lương thiện, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và bị bắt truy nã, gây ảnh hưởng đến việc điều tra, truy tố. Do đó đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lại chiếc xe mô tô biển số 86C1-689.20 cho bị hại G, chị G đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xem xét.

Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu H trả lại số tiền 6.000.000 đồng (là tiền anh T cầm thế xe cho H) nên không xem xét.

[7] Về vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Đức T là người cầm thể chiếc xe mô tô biển số 86C1-689.20 cho H vào ngày 04/9/2019 với giá 6.000.000 đồng nhưng không biết chiếc xe trên do H chiếm đoạt được của người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P không xử lý hình sự đối với anh T là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **LÊ VĂN H** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: **LÊ VĂN H** **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2024.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo **LÊ VĂN H** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của bị cáo có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/3/2025). Quyền kháng cáo của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an TP Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c cư trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ

